

Số: *23* /GP-UBND

Lạng Sơn, ngày 15 tháng 10 năm 2012

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
Mỏ đá vôi Tà Lài phần mở rộng,
xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020; Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi Tà Lài phần mở rộng, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp -VVMÍ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 265/TTr-STNMT ngày 10 tháng 10 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp -VVMÍ được phép thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Tà Lài phần mở rộng, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung sau:

- Diện tích khu vực thăm dò: 12,5ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khếp góc I, II, III, IV, V có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò hệ toạ độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$ múi chiếu 3° kèm theo Giấy phép này.

- Thời hạn thăm dò: 06 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép.

- Chi phí thăm dò: Bằng nguồn vốn của Công ty (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

- Phương pháp và khối lượng thăm dò: Theo Đề án thăm dò.

Điều 2. Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp -VVMÍ có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

Thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước.

2. Thực hiện thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo Đề án và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác, các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản; nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác trong quá trình thăm dò; nếu phát hiện các khoáng sản khác, Công ty phải kịp thời có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để xử lý theo quy định.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng đá vôi cho mục đích sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Mọi hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này chỉ được phép tiến hành sau khi Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp - VVMI đã thông báo chương trình hoạt động thăm dò tại các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Văn Lãng; Chủ tịch UBND xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng; Giám đốc Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp - VVMI và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận : 4/

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản;
- Các Sở: TNMT(02b), CT, XD, KHĐT;
- CPVP, KTN, TH;
- Lưu: VT, VQK.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lý Vinh Quang

Giấy phép thăm dò khoáng sản này đã được đăng ký
Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Số đăng ký : 2.1.../ĐK-TD.

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 10 năm 2012

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Duyệt

BẢN SAO

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23 /GP-UBND

Lạng Sơn, ngày 15 tháng 10 năm 2012

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
Mỏ đá vôi Tà Lài phần mở rộng,
xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020; Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi Tà Lài phần mở rộng, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp -VVMÍ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 265/TTr-STNMT ngày 10 tháng 10 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp -VVMÍ được phép thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Tà Lài phần mở rộng, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung sau:

- Diện tích khu vực thăm dò: 12,5ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khếp góc I, II, III, IV, V có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò hệ tọa độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trực 107⁰15' múi chiều 3⁰ kèm theo Giấy phép này.

- Thời hạn thăm dò: 06 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép.

- Chi phí thăm dò: Bằng nguồn vốn của Công ty (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

- Phương pháp và khối lượng thăm dò: Theo Đề án thăm dò.

Điều 2. Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp -VVMÍ có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

Thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước.

BẢN SAO

BẢN SAO

2. Thực hiện thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo Đề án và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản; nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác trong quá trình thăm dò; nếu phát hiện các khoáng sản khác, Công ty phải kịp thời có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để xử lý theo quy định.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng đá vôi cho mục đích sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Mọi hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này chỉ được phép tiến hành sau khi Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp - VVMI đã thông báo chương trình hoạt động thăm dò tại các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Văn Lãng; Chủ tịch UBND xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng; Giám đốc Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp - VVMI và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

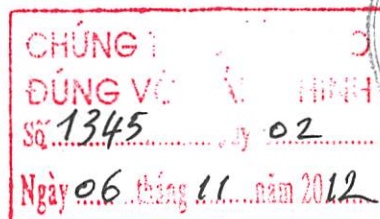
Nơi nhận : 14

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản;
- Các Sở: TNMT(02b), CT, XD, KHĐT;
- CPVP, KTN, TH;
- Lưu: VT, VQK.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Vinh Quang



Giấy phép thăm dò khoáng sản này đã được đăng ký
Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Số đăng ký : 01... /ĐK-TD.

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 10 năm 2012

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Cao



Nguyễn Đình Duyệt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2012

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 18B/HĐKT/2012

VỀ VIỆC:

**THI CÔNG THĂM DÒ, LẬP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG
KẾT QUẢ THĂM DÒ MỎ ĐÁ VÔI TÀ LÀI PHÀN MỞ RỘNG**

DỰ ÁN:

KHAI THÁC MỎ ĐÁ TÀ LÀI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN:

XÃ TÂN MỸ, HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD VÀ KINH DOANH TỔNG HỢP - VVMI

VÀ

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG NHÂN HÒA

Hà Nội, tháng 3 năm 2012



Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 và Nghị quyết số 45/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 17/11/2010 và có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2011. Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản và có hiệu lực thi hành ngày 25/4/2012;
- Luật Xây dựng ngày 16/2003/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26/11/2003 ;
- Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Quyết định số 06/2003/QĐ-BTNMT ngày 19/09/2003 của Bộ tài nguyên và môi trường về việc ban hành qui định trình tự thủ tục cấp phép hoạt động khoáng sản;
- Khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 06 tháng 03 năm 2012, tại trụ sở Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Nhân Hòa, chúng tôi gồm có :

BÊN A: CÔNG TY CP VLXD VÀ KĐTH - VVM

Địa chỉ : Thôn Tà Lại, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại : 0253.851.927

Fax: 0253.850.261

Mã số thuế : 4900243394

Đại diện : Nguyễn Mạnh Danh

Chức vụ: Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG NHÂN HOÀ

Địa chỉ : 117B Khương Đình - P.Hạ Đình - Q.Thanh Xuân - TP. Hà Nội

Điện thoại : 04.35690291

Fax: 043.5690291

Tài khoản số : 03001010226236 tại ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Hà Nội

Mã số thuế : 0101659342

Đại diện : Nguyễn Văn Lạng

Chức vụ : Giám đốc

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng kinh tế với nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao cho Bên B thực hiện Thi công thăm dò, đánh giá trữ lượng và bảo vệ kết quả thăm dò, diện tích 12,5 ha;

ĐIỀU 2: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ NGHIỆM THU BÀN GIAO SẢN PHẨM:

2.1 Tiến độ thực hiện:

- Toàn bộ các nội dung của Hợp đồng dự kiến thực hiện: 240 ngày;

Thời gian trên không bao gồm thời gian chờ thẩm định và phê duyệt đồng thời được tính từ thời điểm bên B nhận được tiền tạm ứng từ bên A theo Điều 4, mục 4.1, mục 4.4 của hợp đồng và các tài liệu liên quan.

2.2 Nghiệm thu bàn giao sản phẩm

Nghiệm thu sản phẩm: Chất lượng sản phẩm tuân theo các quy định về quản lý chất lượng công trình được quy định trong Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ.

Số lượng hồ sơ bàn giao cho bên A: Ngoài số lượng hồ sơ nộp cho cơ quan quản lý Nhà nước, bên B bàn giao cho bên A 01 bộ hồ sơ + 01 đĩa CD ghi đầy đủ nội dung.

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Gía trị hợp đồng khoán gọn	: 348,129,195 VNĐ
Thuế VAT 10%	: 34,812,920 VNĐ
Tổng Giá trị hợp đồng	: 382.942.115 VNĐ

(Bằng chữ : Bốn trăm ba mươi triệu ba trăm hai mươi chín ngàn đồng chẵn).

ĐIỀU 4: TẠM ÜNG, NGHIỆM THU THANH QUYẾT TOÁN:

4.1. Tạm ứng Hợp đồng:

- Sau khi ký Hợp đồng trong vòng 05 ngày Bên A tạm ứng cho Bên B số tiền là: 100.000.000 VNĐ (Một trăm triệu đồng chẵn).

4.2. Thanh quyết toán:

- Đợt 1: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày có Quyết định thẩm dò, bên A tạm tạm ứng tiếp cho bên B số tiền: 100.000.000 VNĐ (Một trăm triệu đồng chẵn).
- Đợt 2: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt trữ lượng mỏ Tà Lài, bên A thanh toán cho bên B số tiền: 182.942.000 VNĐ (Một trăm tám mươi hai triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn đồng chẵn).

4.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

4.4. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA MỖI BÊN

5.1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A:

- Cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan phục vụ thực hiện các nội dung theo Điều 1 của hợp đồng:
- Cử cán bộ thường xuyên giám sát, nghiệm thu khối lượng, ký các biên bản nghiệm thu hiện trường, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình Bên B thực hiện nội dung công việc theo điều 1 của hợp đồng..
- Nộp hồ sơ cho các cơ quan chức năng tỉnh Lạng Sơn.
- Chi phí tổ chức hội nghị, các buổi làm việc, kiểm tra của các cơ quan chức năng về mỏ Tà Lài và lệ phí thẩm định nộp cho Nhà nước theo quy định do bên A chịu.
- Phối hợp Bên B tổ chức hội nghị bảo vệ kết quả thi công thẩm dò tại các cơ quan có chức năng của Nhà Nước.

- Nhận đủ hồ sơ, tài liệu, bản vẽ do Bên B giao theo đúng qui định của Nhà nước và nghiệm thu tổng thể khối lượng do Bên B thực hiện làm cơ sở thanh quyết toán Hợp đồng.
- Thanh toán cho bên B đúng theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

5.2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B:

- Sau khi Bên A chuyển cho Bên B đầy đủ tài liệu liên quan đến nội dung thực hiện hợp đồng và tiền tạm ứng, bên B tiến hành các công việc theo trình tự như sau:

1. Tiến hành công tác thăm dò, bao gồm: đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000, lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1/2.000, lấy mẫu, phân tích mẫu, tính toán trữ lượng và lập báo cáo kết quả thăm dò.

2. Bảo vệ Báo cáo kết quả thăm dò trước hội đồng thẩm định tỉnh Lạng Sơn.

3. Các nội dung khác:

- + Đảm bảo an toàn lao động và an ninh trong địa bàn làm việc.
- + Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các số liệu đã cung cấp cho Bên A.

- Xuất hóa đơn tài chính cho Bên A.

ĐIỀU 6: THAY ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1. Sửa đổi, bổ sung hợp đồng:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có sự thay đổi bổ sung nhiệm vụ hoặc thay đổi khối lượng công việc, hai Bên sẽ bàn bạc để thống nhất bằng văn bản trước khi thực hiện.
- Mọi thay đổi, bổ sung của hợp đồng này hai Bên phải lập và ký thành phụ lục hợp đồng.

6.2. Chấm dứt hợp đồng:

6.2.1. Chấm dứt khi các bên hoàn thành nghĩa vụ cả

88888888vm kết trong hợp đồng.

6.2.2. Trong trường hợp Bên B bị giải thể hoặc phá sản, bị pháp luật cấm.

6.2.3. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo cho Bên B về các thiếu sót hoặc chậm trễ của Bên B trong việc thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng mà Bên B không có biện pháp khắc phục sửa chữa hoặc cố tình không sửa chữa.

6.2.4. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng: Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng theo quy định của pháp luật, khi các bên đã nỗ lực cố gắng tối đa trong 30 ngày nhằm khắc phục hậu quả để tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng không thể khắc phục được thì hợp đồng sẽ được chấm dứt.

6.3. Thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng:

Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng theo mục 6.2.2 và 6.2.3 việc thanh toán sẽ không được thực hiện. Bên B sẽ phải trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng của Bên A mà không được khấu trừ bất cứ 1 khoản tiền nào, đồng thời phải chịu sự bồi thường mọi thiệt hại phát sinh do việc chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng theo mục 6.2.4, Bên A phải thanh toán toàn bộ khối lượng và kinh phí do Bên B đã thực hiện theo đơn giá đã thỏa thuận trong hợp đồng.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên thống nhất ký bản hợp đồng kinh tế với các nội dung như trên để làm cơ sở cho việc triển khai các hạng mục công việc trên.
- Các Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng kinh tế, không được đơn phương sửa đổi hợp đồng này, không được tự ý hủy bỏ khi không có sự đồng ý của bên kia. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng bàn biện pháp giải quyết.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và bên A chuyển tiền tạm ứng cho bên B theo mục 4.1 điều 4 của hợp đồng.

Hợp đồng này gồm 05 trang, được lập thành 06 bản, mỗi bên giữ 03 bản có giá trị pháp lý như nhau.



Vy Văn Thành



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Lany

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH LẠNG SƠN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 4900243394

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 06 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ 5: ngày 06 tháng 08 năm 2012

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH TỔNG HỢP - VVMI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VVMI - BUILDING MATERIAL AND GENERAL TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VMATCO

2. Địa chỉ trụ sở chính

Xã Tân Mỹ, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Điện thoại: (025)3851927

Fax: (025)3850261

Email: vlxdvvmi@gmail.com

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: - Hoạt động khai thác mỏ để sản xuất ra các loại đá phục vụ việc xây dựng; - Hoạt động chẻ, đập vỡ đá để làm nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng , làm đường; - Hoạt động đập vỡ, nghiền đá	0810 (Chính)
2	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất gạch bê tông, xây dựng dân dụng từ đá, xi măng	2395
3	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa thiết bị xây dựng và máy móc khai thác mỏ, sửa chữa máy móc thiết bị công nghiệp	3312
4	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ	4210

STT	Tên ngành	Mã ngành
5	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: - Làm sạch mặt bằng xây dựng; - Vận chuyển đất: Đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn	4312
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong khai thác than, đá, quặng như máy khoan, máy nghiền sàng, máy xúc...	4659
7	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc	4661
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng đen, xi măng trắng; bán buôn clanhke; bán buôn gạch xây; bán buôn đá, cát, sỏi; bán buôn vật liệu xây dựng khác	4663
9	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
10	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng chở hóa chất; - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác; - Vận tải hàng hóa bằng ô tô đường bộ khác	4933
12	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển hoặc viễn dương theo lịch trình hoặc không theo lịch trình	5012
13	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: - Các hoạt động liên quan đến vận tải hàng hóa bằng đường sắt và đường bộ; - Hoạt động quản lý đường bộ, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy; - Hoạt động của các bến bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa	5221

STT	Tên ngành	Mã ngành
15	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: - Xếp hàng hóa lên phương tiện vận tải hoặc dỡ hàng hóa từ phương tiện vận tải ; - Bốc vác hàng hóa; - Bốc dỡ hàng hóa toa xe lửa; - Bốc vác hàng hóa tại ga đường sắt; - Bốc các hàng hóa tại bến, bãi đỗ ô tô; - Bốc vác hàng hóa tại cảng biển; - Bốc xếp hàng hóa tại cảng sông	5224
16	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hàng hóa hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa	5229
17	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển	7730
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: Hoạt động dịch vụ khai thác như các thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò	0990

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Sáu tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 600.000

5. Số cổ phần được quyền chào bán: 0

6. Vốn pháp định

7. Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	83 CỔ ĐÔNG KHÁC	Việt Nam	Cổ phần phổ thông	145.316	1.453.160.000	34		
			Tổng số	145.316	1.453.160.000	34		
2	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC-VINACOMIN (TNHH 1TV) (ĐỔI TÊN TỪ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC-TKV)	Số 1, Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	217.974	2.179.740.000	51	0100100015	
			Tổng số	217.974	2.179.740.000	51		
3	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT "CHUYỂN ĐỔI (CPH) TỪ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 3138/QĐ-BGTVT NGÀY 20 THÁNG 10 NĂM 2004 CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Số 120 phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	64.110	641.100.000	15	0100105207	
			Tổng số	64.110	641.100.000	15		

BẢN SAO

8. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: *Giám đốc*

Họ và tên: **NGUYỄN MẠNH DANH**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *20/10/1970*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *013329202*

Ngày cấp: *13/07/2010*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Khu tập thể xây dựng 492, tổ 12, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Tập thể mỏ đá Tà Lài, Xã Tân Mỹ, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

9. Thông tin về chi nhánh

10. Thông tin về văn phòng đại diện

11. Thông tin về địa điểm kinh-doanh



T/M.UBND X. TÂN MỸ
CHỦ TỊCH

Ty Thùy Nga



Hoàng Văn Cao

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG
VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN**

***Báo cáo: Thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Tà Lài (phần mở rộng),
xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.***

Căn cứ hợp đồng kinh tế số: 18B/HĐKT/2012 ngày 06 tháng 03 năm 2012 giữa Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Kinh doanh tổng hợp - VVMI và Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng Nhân Hòa về việc Thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Tà Lài phần mở rộng, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

Hôm nay, ngày 01 tháng 11 năm 2012 tại trụ sở Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Kinh doanh tổng hợp - VVMI. Chúng tôi tiến hành nghiệm thu khối lượng và giá trị công tác thăm dò đá thực hiện được.

Thành phần nghiệm thu gồm:

Bên A: Công ty cổ phần VLXD và KDTH - VVMI

Ông: Vy Văn Thành

Chức vụ: Phó Giám đốc

Ông: Phạm Quốc Hoàn

Chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật.

Ông: Trần Trung Kiên

Chức vụ: Trưởng phòng KH-VT.

Bên B: công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Nhân Hòa

Ông: Nguyễn Văn Lạng

Chức vụ: Giám đốc.

Ông: Vũ Trọng Nghĩa

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Hai bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và giá trị công tác thăm dò khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường tại mỏ Tà Lài (phần mở rộng), xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn do Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng Nhân Hòa đã thực hiện như sau:

I. Khối lượng và giá trị (Xem bảng tổng hợp khối lượng và giá trị thực hiện)

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN

(Áp dụng Bộ đơn giá các công trình địa chất năm 2010 của Bộ Tài nguyên - Môi trường)							
STT	Hạng mục công việc	Đơn giá	Khối lượng	Điều kiện thi công	Đơn giá		Thành tiền
					Trang, bảng	Đơn giá	
A	CHI PHÍ THĂM DÒ						
I	Lập Đề án						21,394,320
1	Khảo sát thực địa	T/tổ	0.3	Xem kết quả tính ở Bảng 7-2		48,655,500	14,596,650
2	Lập Đề án	T/tổ	0.3	Xem kết quả tính ở Bảng 7-2		22,658,900	6,797,670
II	Thi công đề án						239,388,835
1	Công tác địa chất						57,949,230
1.1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ 1/2.000						
	Công tác ngoài trời	km ²	0.125	Độ phức tạp loại I	Tr. 29	209,875,563	26,234,445
	Tổng hợp trong phòng	km ²	0.125	Độ phức tạp loại I	Tr. 37	99,634,385	12,454,298
1.2	Công tác khai đào						
	Công tác đào vét các điểm lộ	m ³	50	Đá cấp VII	Tr. 105	385,210	19,260,486
2	Công tác trắc địa						93,311,089
2.1	Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000	km ²	0.125	Địa hình loại IV	Tr. 292 - 294	135,887,494	16,985,937
2.2	Xác định tuyến thăm dò	km	1.100	Địa hình loại IV	Tr. 285	2,157,244	2,372,968
2.3	Lập lưới đa giác I	điểm	2	Địa hình loại IV	Tr. 289	13,020,914	26,041,827
2.4	Lập lưới đa giác II	điểm	3	Địa hình loại IV	Tr. 289	11,269,894	33,809,681
2.5	Lập lưới thủy chuẩn kỹ thuật	km	1	Địa hình loại IV	Tr. 291	1,803,166	1,803,166
2.6	Cắm mốc ranh giới	điểm	6	Địa hình loại IV	Tr. 286	2,049,585	12,297,510

3	Công tác lấy gia công, phân tích mẫu						78,579,927
3.1	Lấy mẫu						
	Lấy mẫu hóa	m.mẫu	20	Đá cấp VII	Tr. 45	111,603	2,232,066
	Lấy mẫu thạch học lát mỏng	mẫu	10	Đá cấp VII	Tr. 45	111,603	1,116,033
	Lấy mẫu cơ lý	mẫu	10	Đá cấp VII	Tr. 45	547,945	5,479,452
	Lấy mẫu bám dính	mẫu	5	Đá cấp VII	Tr. 45	547,945	2,739,726
	Lấy mẫu nén đập	mẫu	5	Đá cấp VII	Tr. 45	547,945	2,739,726
	Lấy mẫu mài mòn	mẫu	5	Đá cấp VII	Tr. 45	547,945	2,739,726
3.2	Gia công mẫu						
	Gia công mẫu phân tích hóa	mẫu	10	7 - 12kg	Tr. 117	267,008	2,670,085
	Gia công mẫu thạch học	mẫu	5	Lát mỏng	Tr. 119	103,186	515,930
3.3	Phân tích mẫu						
	Phân tích mẫu hóa cơ bản	mẫu	20	SiO ₂ , Fe ₂ O ₃ , CaO, MgO, CKT, MKN	Tr. 127	497,919	9,958,377
	Phân tích mẫu cơ lý đá	mẫu	10		Tr. 139 - 140	4,424,500	44,244,996
	Phân tích mẫu thạch học	mẫu	10		Tr.142	414,381	4,143,811
	Phân tích mẫu bám dính	mẫu	5		Tr.140	850,790	4,253,951
	Phân tích mẫu nén đập	mẫu	5		Tr.140	288,168	1,440,842
	Phân tích mẫu mài mòn	mẫu	5		Tr.140	310,013	1,550,066
4	Đo vẽ bản đồ ĐCTV - ĐCCT 1/2.000						9,548,589
	Công tác thực địa	km ²	0.125		Tr. 158	19,541,243	2,442,655
	Công tác trong phòng	km ²	0.125		Tr. 165	8,847,468	1,105,934
	Mua tài liệu khí tượng thủy văn		1			6,000,000	6,000,000
	CỘNG TRỰC TIẾP A						260,783,155
III	Lập can in Báo cáo và nộp lưu trữ						55,376,599
1	Lập Báo cáo (Áp dụng QGG 56/1999 BCN: Giá trị chi phí TD < 1 tỷ tính 8%*II)						19,151,307
2	Số hoá bản đồ			Xem kết quả tính ở Bảng 7-3			35,581,492
3	Can in nộp lưu trữ			Xem kết quả tính ở Bảng 7-3			644,000
IV	Chi phí khác						21,969,442
1	Lán trại tạm tại hiện trường 5%*II	đồng					11,969,442
2	Lệ phí cấp giấy phép thăm dò	đồng					4,000,000
3	Vận chuyển thiết bị, lao động đi về						6,000,000
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)						338,129,195
V	Chi phí thẩm định đánh giá trữ lượng						10,000,000
	(Áp dụng Quyết định 27/1999/QĐ-BCN (mức thu: Một tỷ đầu thu 10 triệu. Phần còn lại tính 0,5%))						
	Tổng giá trị trước thuế						348,129,195
	Thuế GTGT						34,812,920
	TỔNG CỘNG TOÀN PHƯƠNG ÁN						382,942,115

Bảng chữ: Ba trăm mười hai triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn một trăm mười năm đồng.

Tổng giá trị thực tế thực hiện được nghiệm thu thanh lý là: 382.942.115 VNĐ.

(Bảng chữ: Ba trăm tám mươi hai triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn đồng chẵn).

Giá trị trên đó đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT): 10%.

II. Kỹ thuật

Bên B đã thực hiện đúng kỹ thuật theo đề án phê duyệt.

Biên bản được lập thành 4 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 2 bản.



Vy Văn Thành



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Lạng